TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 150/2019/QĐST- HNGĐ	*C, ngày 01 tháng 10 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số : **139/2019/TLST- HNGĐ** ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Quốc H** – sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 023, tổ 14, phường NX, thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* **Lâm Thị Mai H** – sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 023, tổ 14, phường NX, thành phố C, tỉnh C.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Nguyễn Quốc H** – sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 023, tổ 14, phường NX, thành phố C, tỉnh C.

Chị **Lâm Thị Mai H** – sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 023, tổ 14, phường NX, thành phố C, tỉnh C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc H và chị Lâm Thị Mai H.

- Về việc nuôi con chung: Hai bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quốc H và chị Lâm Thị Mai H mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn. Anh H tự nguyện nộp thay phần án phí cho chị Hường. Tổng số tiền án phí anh H phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh H đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0000528 ngày 12/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí và còn được hoàn lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường NX, TPCB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Na